

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **19/2020/HSST**

Ngày: 20/5/2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Lê Thị Bình**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Nguyễn Hoàng Hanh**

Ông Nguyễn Sỹ Luận

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: **Ông Chu Ngọc Phú** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: **Ông Ngô Văn Phương** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2020, tại Trụ sở tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 26/2020/HSST ngày 31 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2020/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Văn L**, sinh năm 1981 tại Hà Nội; HKTT: Thôn A, xã B, huyện C, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Bán hàng; Trình độ văn hóa: 6/12; Con ông Phạm Văn V (Đã chết) và bà Đỗ Thị V, sinh năm 1942; Vợ là bà Đoàn Thị Xuyên, sinh năm 1982 và có 04 người con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 06/01/2020 đến ngày 02/3/2020 được tại ngoại cho đến nay, “có mặt tại phiên tòa”.

***Người bị hại:**

Bà Đặng Thị Y, sinh năm 1985 (Vắng mặt)

Trú tại: Thôn T, xã B, huyện R, tỉnh Bình Phước

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

Bà Đoàn Thị Xuyên, sinh năm 1982 (Có mặt)

Trú tại: Thôn A, xã B, huyện C, thành phố Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn L làm công việc đi bán dạo sản phẩm thông bồn cầu ở nhiều nơi. Cuối năm 2019, L đi vào tỉnh Bình Phước và ở trọ tại thành phố Đồng Xoài để bán hàng. Ngày 06/01/2020, L điều khiển xe mô tô hiệu Jupiter BKS: 77K1-125.08 từ thành phố Đồng Xoài đến xã B, huyện R đến từng nhà chào bán hàng. Khoảng 11 giờ cùng ngày, L đi qua nhà bà Đặng Thị Yên, thấy cháu Phạm Thân Kỳ D (con của bà Y) đang ở nhà nên L dừng xe trước cổng và gọi D ra nói chuyện. L nói “Chú là người bên môi trường, đi bán sản phẩm thông bồn cầu, có cha mẹ ở nhà không” thì D trả lời “ba mẹ đi làm không có ở nhà”. Lúc này, L nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của nhà bà Y nên xin D số điện thoại và giả vờ gọi điện cho bà Yên để D tin bà Yên đã đồng ý mua sản phẩm thông bồn cầu của L. Sau đó, L nói cháu D “Mẹ đồng ý mua sản phẩm của chú, vào nhà lấy tiền đóng cho mẹ”. Cháu D mở cổng cho L dắt xe mô tô vào trong sân, D vào nhà tìm tiền trả cho L nhưng không thấy, D ra ngoài nói “tiền mẹ cháu mang đi rồi”. Do thấy cháu D còn nhỏ, L đoán sẽ thường bỏ tiền tiết kiệm trong heo đất nên L bảo cháu D “mang tiền trong heo đất ra đưa cho chú”. D vào nhà lấy 01 con heo đất màu trắng có chấm tròn màu tím để phía sau bàn thờ ông địa trong phòng khách đưa cho L. L cầm heo đất và đập bể xuống thảm lót chân để trước hiên nhà thì thấy có rất nhiều tờ tiền gồm các loại mệnh giá 500.000 đồng, 200.000 đồng và 100.000 đồng, L lấy toàn bộ số tiền trong heo đất bỏ vào túi quần và lấy xe mô tô đi ra hướng cổng. Lúc này, chị Y đi làm về thấy cháu D nói “Chú kia lấy hết tiền trong heo đất” nên đã tri hô thì L vứt toàn bộ số tiền xuống gốc cây L vung trong sân. Bà Y cùng một số người dân xung quanh bắt giữ L và giao cho Công an xã B.

Tài liệu, đồ vật đã thu giữ: 44.800.000 đồng (82 tờ mệnh giá 500.000 đồng; 17 tờ 200.000 đồng; 4 tờ 100.000 đồng); 01 bóp da màu nâu bên trong có 01 giấy phép lái xe, 01 thẻ căn cước công dân mang tên Phạm Văn L; 01 chứng nhận đăng ký xe mang tên Trần Văn N; 01 điện thoại di động Nokia; 01 túi xách màu xám chứa 32 bịch men xử lý bề phốt; 29 bịch bột thông đường ống; 04 mảnh vỡ của con heo đất; 01 xe mô tô xe mô tô Jupiter biển số 77K1-125.08.

Tại bản Cáo trạng số: 21/2020/CTr-VKS ngày 30/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Trong phần luận tội, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Áp dụng khoản 1 Điều 174; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 65 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Phạm Văn L mức án từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng.

Ngoài ra còn đề nghị xử lý về vật chứng và trách nhiệm dân sự.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như trên và bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát Viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Trên cơ sở đó đã xác định được: Vào khoảng 11 giờ ngày 06/01/2020, bị cáo Phạm Văn L đi bán sản phẩm thông bồn cầu tại xã B, huyện R, thấy nhà bà Đặng Thị Y thuộc thôn Tân Lực, xã Bù Nho, huyện Phú Riềng chỉ có một mình cháu Phạm Thân Kỳ D (con bà Y) ở nhà, vì mục đích tư lợi cá nhân nên bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản. Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để cháu D giao con heo đất của bà Y và chiếm đoạt số tiền có trong heo đất là 44.800.000đ (Bốn mươi bốn triệu tám trăm nghìn đồng) thì bị phát hiện bắt quả tang.

[3] Hành vi trên của bị cáo Phạm Văn L đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Bị cáo là người đã thành niên, nhận thức về hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác để sử dụng cho bản thân nên bị cáo vẫn thực hiện.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để người bị hại tin tưởng giao tài sản rồi chiếm đoạt. Hành vi của bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại, gây mất an ninh trật tự tại địa phương, hoang mang trong quần chúng nhân dân nơi bị cáo thực hiện việc phạm tội. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo một mức hình phạt tương xứng để giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự; có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo nhất thời phạm tội, là lao động nghèo, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo có 4 người con còn nhỏ (sinh năm 2005, 2012, 2014 và 2018). Ngoài ra, tài sản đã thu hồi trả lại cho người bị hại. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng. Vì vậy, chỉ cần tuyên hình phạt tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo, giao bị cáo về chính quyền địa phương nơi cư trú quản lý tạo điều kiện cho bị cáo tự giáo dục bản thân trở thành công dân tốt cho xã hội là phù hợp.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát huyện Phú Riềng là có căn cứ một phần nên được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét.

Về xử lý vật chứng:

Đối với số tiền 44.800.000 đồng là tài sản hợp pháp của bà Đặng Thị Y bị L chiếm đoạt nên Cơ quan Công an huyện Phú Riềng đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bà Y nên HĐXX không xem xét.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280 là tài sản riêng của L sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

Đối với 32 bịch men xử lý bể phốt; 29 bịch bột thông đường ống là công cụ L sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 04 mảnh vỡ của con heo đất là vật chứng của vụ án, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 bóp da màu nâu, 01 giấy phép lái xe, 01 thẻ căn cước công dân mang tên Phạm Văn L, 01 chứng nhận đăng ký xe mang tên Trần Văn N và 01 túi xách là tài sản của L không sử dụng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho L.

Đối với xe mô tô biển số 77K1-125.08 hiệu Jupiter, qua điều tra xác định là tài sản chung hợp pháp của L và vợ là bà Đoàn Thị X. Khi phát hiện cháu D ở nhà một mình thì L mới nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản, do đó đối với xe mô tô trên L không sử dụng vào mục đích phạm tội nên cần trả lại cho bà X và L.

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; các điểm i, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 65 Bộ luật hình sự:

Xử phạt: Bị cáo **Phạm Văn L** 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (Ba) năm kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân xã Lê Thanh, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

2. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng các Điều 47, 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tuyên tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280.

Tuyên tịch thu tiêu hủy đối với 32 bịch men xử lý bề phốt; 29 bịch bột thông đường ống; 04 mảnh vỡ của con heo đất .

Tuyên trả đối với 01 bóp da màu nâu, 01 giấy phép lái xe, 01 thẻ căn cước công dân mang tên Phạm Văn L, 01 chứng nhận đăng ký xe mang tên Trần Văn N và 01 túi xách cho Phạm Văn L; 01 xe mô tô biển số 77K1-128.08 hiệu Jupiter cho bà Đoàn Thị X và Phạm Văn L

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết án phí, lệ phí bị cáo **Phạm Văn L** phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Phú Riềng;
- Chi cục THADS huyện Phú Riềng;
- CA huyện Phú Riềng;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Bình